

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Kỳ Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-TTg, ngày 01/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định, Văn bản của UBND tỉnh: số 1776/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thị xã Kỳ Anh; số 1658/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 và số 3196/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 về việc điều chỉnh địa điểm, quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thị xã Kỳ Anh; số 2927/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung diện tích đất công trình năng lượng Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê, thị xã Kỳ Anh; số 548/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 về việc phê duyệt Kế

hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Kỳ Anh; số 1585/UBND-KT2 ngày 26/3/2024 về việc giải phóng mặt bằng Dự án Đường dây 500kV mạch 3;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1398/TTr-STMMT ngày 03/4/2024 và Văn bản số 1674/STNMT-ĐĐ2₈ ngày 17/4/2024 (trên cơ sở đề nghị của UBND thị xã Kỳ Anh tại Văn bản số 880/UBND-TNMT ngày 29/3/2024); sau khi các Thành viên UBND tỉnh thống nhất đồng ý qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Kỳ Anh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)			Địa điểm Thôn (xóm)	Vị trí khoanh vẽ mới trên BĐKH	Ghi chú
				Diện tích (ha)	RPH	Đất khác			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Đất ở tại nông thôn	0,15		0,15		0,15			
1	Giao đất ở tái định cư cho các hộ dân ảnh hưởng Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	0,15		0,15		0,15	Khu Tái định cư Đập Me, thôn Hoa Thảng, xã Kỳ Hoa	903	

2. Tổng hợp số liệu sau khi bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt (ha)	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		28.553,94	28.553,94
I	Loại đất			
1	Đất nông nghiệp	NNP	15.564,39	15.564,39
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.152,10	1.152,10
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	810,60	810,60
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	341,50	341,50
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.340,82	2.340,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.509,75	1.509,75

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt (ha)	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh (ha)
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.635,15	5.635,15
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	4.082,54	4.082,54
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	248,24	248,24
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	645,37	645,37
1.8	Đất làm muối	LMU	80,35	80,35
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	118,40	118,40
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.764,39	11.764,54
2.1	Đất quốc phòng	CQP	213,60	213,60
2.2	Đất an ninh	CAN	8,49	8,49
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.941,53	3.941,53
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	4,40	4,40
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	286,39	286,39
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	364,99	364,99
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	135,46	135,46
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	222,12	222,12
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.275,02	4.275,02
-	Đất giao thông	DGT	2.263,14	2.263,14
-	Đất thủy lợi	DTL	1.082,34	1.082,34
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,26	4,26
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,00	8,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	74,46	74,46
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	22,56	22,56
-	Đất công trình năng lượng	DNL	394,47	394,47
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	2,46	2,46
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,29	3,29
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	16,10	16,10
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	17,44	17,44
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	376,47	376,47
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,24	0,24

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt (ha)	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh (ha)
-	Đất chợ	DCH	9,79	9,79
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,57	15,57
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	97,14	97,14
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	348,77	348,92
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.028,61	1.028,61
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,34	19,34
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,93	2,93
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	9,98	9,98
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	718,93	718,93
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	71,16	71,16
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.225,16	1.225,01

Điều 2. Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh (đơn vị đề xuất), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ liên quan về toàn bộ nội dung thông tin, số liệu, báo cáo thuyết minh, bản đồ, quy trình, nội dung thẩm định, tham mưu, đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai và các quy định có liên quan.

Điều 3. Căn cứ Điều 1 Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh chịu trách nhiệm:
 - Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (bổ sung) theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
 - Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
 - Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
 - Cập nhật vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Kỳ Anh.
 - Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo quy định.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:
 - Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
 - Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Kỳ Anh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh